TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1662/2018/DS-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 481/2018/TLST-DS ngày 04/4/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 427/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 487/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.
Địa chỉ: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn :
Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 27225/2018/UQ-VPB ngày 17/10/2018).
(Có mặt)
Bị đơn: Bà Tạ Thị B, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Chung cư C, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018, bạn tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A có ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng A cho bà Tạ Thị B vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Vay số tiền 120.000.000 đồng, giải ngân ngày 19/4/2016, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 26.9%/năm trên cơ sở xem xét Đơn đăng ký mở và sử dụng

tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ký ngày 14/4/2016;

- Vay số tiền 50.000.000 đồng, giải ngân ngày 24/9/2016, thời hạn 6 tháng, lãi suất 50%/năm trên cơ sở xem xét Đơn đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ký ngày 20/9/2016;

Ngoài ra, Ngân hàng còn cấp hạn mức mở thẻ tín dụng 15.000.000 đồng, mở thẻ ngày 28/6/2016, mục đích vay tiêu dùng.

Thực hiện hợp đồng, bà Tạ Thị B đã nhận đủ số tiền vay từ hai hợp đồng tín dụng, là 170.000.000 đồng và chi tiêu qua thẻ số tiền 14.000.000 đồng. Tuy nhiên bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do bà B đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dù được nhiều lần nhắc nhở nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Tạ Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tạm tính đến ngày 24/10/2018 như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng ký ngày 14/04/2016:

+ Nợ gốc số tiền: 91.123.546 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn số tiền: 75.011.371 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn số tiền: 29.151.000 đồng.

+ Tiền lãi đã trả từ 23/8/2014 đến 24/10/2018 số tiền: 16.105.208 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 179.180.963 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng ký ngày 20/09/2016:

+ Nợ gốc số tiền 40.911.716 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn số tiền: 33.808.988 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn số tiền: 16.904.494 đồng.

+ Tiền lãi đã trả từ 24/9/2016 đến 24/10/2018 số tiền là: 11.378.294 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 92.459.270 đồng

- Thẻ tín dụng mở ngày 28/6/2016:

+ Nợ gốc: 14.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 10.079.207 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 5.039.603 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi thẻ là 15.118.810 đồng.

Tổng số tiền mà Ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán tạm tính đến ngày 24/10/2018 số tiền là 300.759.043 đồng, yêu cầu thực hiện trả 01 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là bà Tạ Thị B trình bày:

Bà xác nhận giữa bà và Ngân hàng A có ký kết các hợp đồng tín dụng và mở thẻ tín tụng bao gồm:

- Hợp đồng vay số tiền 120.000.000 đồng, giải ngân ngày 19/4/2016, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 26.9%/năm trên cơ sở xem xét Đơn đăng ký mở và

sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ký ngày 14/4/2016;

- Hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng, giải ngân ngày 24/9/2016, thời hạn 6 tháng, lãi suất 50%/năm trên cơ sở xem xét Đơn đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ký ngày 20/9/2016;

- Mở thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng, mở thẻ ngày 28/6/2016, mục đích vay tiêu dùng.

Thực hiện hợp đồng bà đã nhận đủ số tiền của 2 hợp đồng tín dụng là 170.000.000 đồng và chi tiêu qua thẻ tín dụng là 14.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đối với hợp đồng ký ngày 19/4/2016, bà mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 44.981.662 đồng, trong đó 28.876.454 đồng tiền gốc và 16.105.208 đồng tiền lãi. Đối với hợp đồng ký ngày 24/9/2016, bà đã thanh toán được số tiền 20.466.578 đồng, trong đó 9.088.284 đồng tiền gốc và 11.378.294 đồng tiền lãi. Đối với hợp đồng mở thẻ tín dụng bà chưa thanh toán lại cho ngân hàng khoản nào.

Nay do hoàn cảnh khó khăn, phải đi làm nuôi gia đình và nuôi con, đề nghị Ngân hàng hỗ trợ trả dần số nợ trên mỗi tháng 3.000.000 đồng, và đề nghị Ngân hàng giảm bớt tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng A có ông Nguyễn Văn A là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Tạ Thị B có trách nhiệm trả số tiền cả gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là:

- Đối với Hợp đồng tín dụng ký ngày 14/04/2016:

+ Nợ gốc số tiền: 91.123.546 đồng.

+ Nợ lãi số tiền: 92.025.669 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng ký ngày 20/09/2016:

+ Nợ gốc số tiền: 40.911.716 đồng.

+ Nợ lãi số tiền: 54.445.467 đồng.

- Đối với Hợp đồng Thẻ tín dụng mở ngày 28/6/2016:

+ Nợ gốc số tiền: 14.000.000 đồng.

+ Nợ lãi số tiền: 15.830.430 đồng.

Tổng cộng số tiền tính đến ngày 27/11/2018 là 308.336.828 đồng.

- Bị đơn bà Tạ Thị B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn bà Tạ Thị B không thực hiện đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nguyên đơn Ngân hàng

A khởi kiện bị đơn bà Tạ Thị B là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện bị đơn bà Tạ Thị B phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[1.2] Bị đơn bà Tạ Thị B cư trú tại Quận 3 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[1.3] Bị đơn bà Tạ Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ký ngày 14/4/2016; giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ký ngày ngày 20/9/2016; Giấy đề nghị phát thành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/6/2016 và tại các bản tự khai, biên bản hòa giải cho thấy vào các ngày 14/6/2016; 20/9/2016; 28/6/2016 bà Tạ Thị B có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A để vay số tiền lần lượt là 120.000.000 đồng; 50.000.000 đồng và mở thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng ký ngày 14/6/2016: bà B đã nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng nhưng mới thanh toán được 28.876.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại số nợ gốc là 91.123.546 đồng. Tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện, kỳ thanh toán gần nhất của bà B là từ ngày 07/11/2016 là đã vi phạm thỏa thuận thanh toán của Hợp đồng, do đó việc Nguyên đơn khởi kiện thu hồi nợ là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*." thì mức lãi suất 26.9%/năm mà các bên thỏa thuận là phù hợp. Xét bà Tạ Thị B kể từ ngày quá hạn khoản vay đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, nên việc Ngân hàng yêu cầu bà B phải thanh toán tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bạ Tạ Thị B mới thanh toán được 16.105.208 đồng tiền lãi từ ngày 23/8/2014 đến nay, nên việc Ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán số tiền lãi còn lại tính đến ngày 27/11/2018 số tiền 92.025.669 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với hợp đồng ký ngày 24/9/2016: bà B đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng nhưng mới thanh toán được 9.088.284 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại số nợ

gốc là 40.911.716 đồng. Tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện, kỳ thanh toán gần nhất của bà B là từ ngày 07/3/2017 là đã vi phạm thỏa thuận thanh toán của Hợp đồng, do đó việc Nguyên đơn khởi kiện thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*." thì mức lãi suất 50%/năm mà các bên thỏa thuận là phù hợp. Xét bà Tạ Thị B kể từ ngày quá hạn khoản vay đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà B phải thanh toán tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bạ Tạ Thị B mới thanh toán được 11.378.294 đồng tiền lãi từ ngày 24/9/2016 đến nay nên việc Ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán số tiền lãi còn lại tính đến ngày 27/11/2018 số tiền 54.445.467 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/6/2016: Bà B đã chi tiêu qua thẻ số tiền 14.000.000 đồng nhưng từ ngày 05/11/2016 đến nay chưa thanh toán cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã kí kết. Do đó việc Nguyên đơn khởi kiện thu hồi nợ là có cơ sở để chấp nhận. Xét bà Tạ Thị B kể từ ngày quá hạn thanh toán đến nay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà B phải thanh toán tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 27/11/2018 tổng số tiền 15.830.430 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích ở trên thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/11/2018 là 308.336.828 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà Tạ Thị B phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận số tiền là 15.416.841 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi mốt đồng). Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 3 Phần I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/06/1997 của TANDTC - VKSNDTC- BTP - BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị Quyết)

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng A:

Buộc bà Tạ Thị B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 308.336.828 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/- Bà Tạ Thị B còn tiếp tục chịu lãi suất trên dư nợ gốc theo mức lãi suất được tính theo Đơn đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ký ngày 14/04/2016, ngày 20/09/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/6/2016, kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi bà B trả hết nợ cho Ngân hàng.

3/- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị B phải chịu là 15.416.841 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi mốt đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 6.708.980 đồng (Sáu triệu bảy trăm lẻ tám nghìn chín trăm tám mươi đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020571 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Ngọc